



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản
Minh Phú và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh

6103000072

2000393273

ngày 12 tháng 5 năm 2006

ngày 23 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty số 6103000072 đã được điều chỉnh 2 lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 ngày 12 tháng 11 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty số 6103000072 đã được thay thế bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 ngày 23 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 đã được điều chỉnh 5 lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 ngày 6 tháng 8 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Chu Thị Bình

Ông Lê Văn Quang

Ông Lê Văn Điệp

Ông Phan Thanh Lộc

Bà Hồ Thu Lê

Ông Bùi Anh Dũng

Ông Tsukahara Keiichi

Ông Osada Tsutomu

Ông Nguyễn Nhân Nghĩa

Ông Nagoya Yutaka

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

(từ ngày 17 tháng 6 năm 2021)

Thành viên

(đến ngày 17 tháng 6 năm 2021)

Thành viên

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Quang

Bà Chu Thị Bình

Ông Chu Văn An

Ông Thái Hoàng Hùng

Ông Lê Văn Điệp

Ông Bùi Anh Dũng

Ông Lê Ngọc Anh

Bà Lê Thị Dịu Minh

Ông Chu Hồng Hà

Ông Suzuki Yoshiaki

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

(đến ngày 17 tháng 2 năm 2021)

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

120
H N
NG
KP
PH

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Văn Khánh
Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc
Bà Đỗ Thị Hạnh

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Phường 8
Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

12-0
4A
Y
M
HỒ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

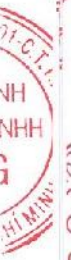
Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2022





KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các cổ đông

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 6 đến trang 64.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00311-22-2



Nguyễn Thủy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2022

120
H N
V G
K P
H O

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		7.178.984.425.577	6.943.219.329.077
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	488.221.720.866	1.119.885.206.004
Tiền	111		448.121.720.866	286.539.306.004
Các khoản tương đương tiền	112		40.100.000.000	833.345.900.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		310.537.575.674	1.135.000.990.694
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	8.806.789.411	8.806.789.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(5.580.753.017)	(5.580.753.017)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	307.311.539.280	1.131.774.954.300
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.832.614.931.825	1.613.198.168.721
Phải thu của khách hàng	131	7	1.472.547.976.017	1.419.619.881.957
Trả trước cho người bán	132		278.842.905.219	92.943.002.087
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	96.943.313.557	102.712.745.214
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(15.719.262.968)	(2.077.460.537)
Hàng tồn kho	140	10	4.461.881.176.641	3.029.545.730.672
Hàng tồn kho	141		4.598.381.265.557	3.135.048.390.423
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(136.500.088.916)	(105.502.659.751)
Tài sản ngắn hạn khác	150		85.729.020.571	45.589.232.986
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	6.621.987.924	5.467.259.733
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	16(b)	55.126.181.454	29.004.558.928
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	16(c)	23.980.851.193	11.117.414.325

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		2.380.187.634.279	1.992.352.156.560
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.058.898.500	2.058.898.500
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	2.058.898.500	2.058.898.500
Tài sản cố định	220		1.324.195.714.930	1.089.762.658.795
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.170.886.715.361	953.070.839.931
Nguyên giá	222		3.016.423.729.323	2.629.952.931.517
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.845.537.013.962)	(1.676.882.091.586)
Tài sản cố định vô hình	227	12	153.308.999.569	136.691.818.864
Nguyên giá	228		182.964.912.954	162.526.122.555
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.655.913.385)	(25.834.303.691)
Tài sản dở dang dài hạn	240		561.581.531.483	497.585.536.429
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	561.581.531.483	497.585.536.429
Đầu tư tài chính dài hạn	250		272.318.538.069	213.978.552.035
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(c)	223.318.538.069	191.978.552.035
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(b)	42.000.000.000	15.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		220.032.951.297	188.966.510.801
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	209.003.624.271	181.525.992.402
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	11.029.327.026	7.440.518.399
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		9.559.172.059.856	8.935.571.485.637

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.067.045.420.576	3.613.486.043.150
Nợ ngắn hạn	310		3.947.060.014.959	3.545.832.567.379
Phải trả người bán	311		351.764.525.617	196.221.615.421
Người mua trả tiền trước	312		105.277.665.720	44.639.837.797
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	16(a)	21.567.435.436	15.029.740.821
Phải trả người lao động	314		98.074.938.421	119.181.822.872
Chi phí phải trả	315		1.148.010.903	869.399.455
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	51.481.991.636	33.538.069.672
Vay ngắn hạn	320	18	3.250.499.735.624	3.083.249.485.504
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	67.245.711.602	53.102.595.837
Nợ dài hạn	330		119.985.405.617	67.653.475.771
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		34.613.917.113	35.394.682.161
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	1.000.000.000	1.000.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	84.371.488.504	31.258.793.610
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.492.126.639.280	5.322.085.442.487
Vốn chủ sở hữu	410	20	5.492.126.639.280	5.322.085.442.487
Vốn cổ phần	411	21	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.297.421.887.777	2.322.800.251.928
Cổ phiếu quỹ	415		(1.628.235.339)	(33.019.699.490)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		126.353.289.322	133.379.666.652
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	123.202.185.780	107.161.055.052
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		811.566.523.974	669.217.548.202
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối - lũy kế đến cuối năm trước	421a		169.766.339.929	804.493.850
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối - năm nay	421b		641.800.184.045	668.413.054.352
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		135.210.987.766	122.546.620.143
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		9.559.172.059.856	8.935.571.485.637

Ngày 20 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Người duyệt:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	24	13.608.257.497.741	14.377.079.727.436
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	30.752.722.964	47.730.047.806
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	24	13.577.504.774.777	14.329.349.679.630
Giá vốn hàng bán	11	25	11.636.615.721.664	12.800.926.931.607
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.940.889.053.113	1.528.422.748.023
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	106.122.896.778	199.135.340.470
Chi phí tài chính	22	27	86.208.989.219	121.703.039.171
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		53.087.429.982	88.602.655.651
Phần lãi trong công ty liên kết	24	6(c)	31.339.986.034	36.548.340.896
Chi phí bán hàng	25	28	903.867.854.805	670.826.778.754
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	322.130.403.023	205.279.003.697
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		766.144.688.878	766.297.607.767
Thu nhập khác	31	30	12.628.710.985	6.786.052.736
Chi phí khác	32	31	3.408.419.827	10.660.207.796
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		9.220.291.158	(3.874.155.060)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		775.364.980.036	762.423.452.707
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	69.248.845.525	70.168.275.445
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	49.523.886.267	18.468.069.947
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)	60		656.592.248.244	673.787.107.315

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

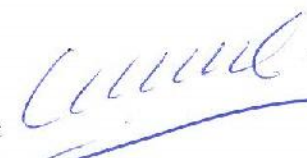
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang từ trang trước) (60 = 50 - 51 - 52)	60		656.592.248.244	673.787.107.315
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		641.800.184.045	668.413.054.352
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		14.792.064.199	5.374.052.963
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	3.058	3.243

Ngày 20 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		775.364.980.036	762.423.452.707
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		189.432.510.014	176.886.132.194
Các khoản dự phòng	03		45.189.263.377	42.101.106.488
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.647.607.529	(8.451.135.880)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(363.402.675)	(183.500.000)
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(62.105.796.452)	(113.002.188.458)
Lãi từ đánh giá lại tài sản góp vào công ty liên kết	05		(780.765.048)	(780.765.048)
Phần lãi trong công ty liên kết			(31.339.986.034)	(36.548.340.896)
Chi phí lãi vay	06		53.087.429.982	88.602.655.651
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		977.131.840.729	911.047.416.758
Biến động các khoản phải thu	09		(234.265.041.699)	(190.428.959.418)
Biến động hàng tồn kho	10		(1.482.755.518.744)	(177.750.687.603)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		243.524.357.912	67.580.946.294
Biến động chi phí trả trước	12		(12.119.362.777)	(7.029.187.713)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		-	600.000
			(508.483.724.579)	603.420.128.318
Tiền lãi vay đã trả	14		(53.087.429.982)	(88.602.655.651)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(90.840.190.972)	(65.843.051.483)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		1.583.000.000	792.446.536
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(36.044.350.071)	(64.220.558.802)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(686.872.695.604)	385.546.308.918

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21	(536.892.316.275)	(459.482.746.335)
Tiền chi tạm ứng cho nhân viên cho việc mua đất	21	(8.970.405.000)	(2.031.717.500)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.094.776.979	183.500.000
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(422.114.320.000)	(2.004.034.907.982)
Tiền chi đầu tư vào trái phiếu	23	(27.000.000.000)	(5.000.000.000)
Tiền chi cho người lao động vay	23	-	(4.700.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	1.246.500.000.000	2.272.580.954.329
Tiền thu từ cho người lao động vay	24	600.000.000	217.200.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	79.274.689.882	134.802.133.893
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	332.492.425.586	(67.465.583.595)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	6.331.700.000	4.437.745.411
Tiền thu từ vốn góp tăng thêm của các cổ đông không kiểm soát	31	49.000.000	-
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(318.600.000)	-
Tiền thu từ đi vay	33	13.517.934.017.722	13.194.153.416.824
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.360.184.479.830)	(12.325.568.009.955)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông Công ty	35	(400.791.254.403)	(696.473.032.061)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	35	(857.149.216)	(896.581.093)
Tiền chi trả các hoạt động tài chính khác	36	(35.488.771.952)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(273.325.537.679)	175.653.539.126

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

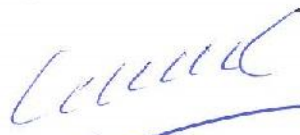
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(627.705.807.697)	493.734.264.449
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.119.885.206.004	625.386.686.314
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(827.733.554)	2.557.077.058
Ảnh hưởng của quy đổi tiền tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(3.129.943.887)	(1.792.821.817)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	488.221.720.866	1.119.885.206.004

Ngày 20 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

20
IN
G
P
10

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp ngày 23 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ theo Quyết định số 813/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch chứng khoán cho công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) với mã giao dịch là MPC.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), như được liệt kê trong Thuyết minh 1(d) dưới đây, và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là nuôi trồng, chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

12/21
HÀ
TY
M
10/1

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn	Công ty con	Hoạt động chính	% quyền biểu quyết		% lợi ích kinh tế	
			31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 16 công ty con (1/1/2021: 16 công ty con) chi tiết như sau:					
	Các công ty con sở trực tiếp					
	Mseafood Corporation	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
	Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	Chế biến và kinh doanh bột cá, các sản phẩm thủy sản, dầu cá sinh học; kinh doanh hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; dầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.	98,27%	98,27%	98,27%	98,27%
	Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (t)	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	97,50%	97,50%	97,50%	97,50%
	Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (t)	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	99,17%	95,00%	99,17%	95,00%
	Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang (t)	Nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; sản xuất giống thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	99,89%	99,83%	99,89%	99,83%
	Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú (t)	Sản xuất, cung cấp và kinh doanh giống thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; kinh doanh thực phẩm và nguyên vật liệu phục vụ ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.	99,78%	99,67%	99,78%	99,67%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty con	Hoạt động chính	% quyền biểu quyết		% lợi ích kinh tế	
		31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An (i)	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thực phẩm thủy sản, kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú (i) (iii)	Sản xuất các sản phẩm sinh học và phân bón phục vụ ngành nông nghiệp.	92,27%	92,27%	92,27%	92,27%
Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản; chế biến sản phẩm thủy sản; sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị cho nuôi trồng thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Kho vận Ebisumo	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú (i)	Kinh doanh các sản phẩm nông lâm nghiệp.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú (i)	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.	100,00%	60,00%	100,00%	60,00%
Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics (i)	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú (trước đây là “Công ty TNHH Cảng Minh Phú Hậu Giang”) (iii)	Xây dựng cảng vận tải, cảng đầu khí; kinh doanh đầu khí, kinh doanh các loại máy móc và thiết bị cho sản xuất.	99,09%	98,20%	99,09%	98,20%



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		Hoạt động chính			
Công ty con	Các công ty con sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con khác	% quyền biểu quyết		% lợi ích kinh tế	
		31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
Công ty TNHH Xã hội Chuối Tôm Rừng Minh Phú	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản, tư vấn nuôi trồng thủy sản và chế biến hàng thủy sản.	79,8%	79,8%	45,43%	45,43%

Tỷ lệ lợi ích kinh tế thể hiện lợi ích kinh tế thực của Công ty trong các công ty con bao gồm sở hữu trực tiếp và gián tiếp.

(i) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa góp đủ vốn vào các công ty con này.

(ii) Công ty nắm giữ trực tiếp 74,07% lợi ích Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú và nắm giữ gián tiếp 18,52% lợi ích của đơn vị này thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang.

(iii) Công ty nắm giữ trực tiếp 50% lợi ích Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú (trước đây là “Công ty TNHH Công Minh Phú Hậu Giang”) và nắm giữ gián tiếp 49,09% lợi ích của đơn vị này thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang.

Mseafood Corporation được đăng ký thành lập ở Bang California, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Công ty TNHH Kho vận Ebisumo được đăng ký thành lập tại Nhật. Tất cả các công ty con còn lại được đăng ký thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 2 công ty liên kết (1/1/2021: 2 công ty liên kết) chi tiết tại Thuyết minh 6(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 12.926 nhân viên (1/1/2021: 13.038 nhân viên).



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) *Mất quyền kiểm soát*

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) *Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)*

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty.

Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(vi) *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản bình quân của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và đầu tư vào trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	2 – 39 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 43 năm đến 59 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm đến 15 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và chi phí phát sinh liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn tất. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 6 năm đến 48 năm.

(ii) Chi phí cải tạo

Chi phí cải tạo bao gồm chi phí sửa chữa lại nền xưởng. Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

1120
PHI N
NG T
KP
PHO

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập cổ tức

Doanh thu cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Thuê

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

2-0
HÁ
YT
M
10 0

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. EPS cơ bản được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. EPS suy giảm được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn được trình bày theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

12/2021
NH
NH
NH

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Nuôi trồng sản phẩm thủy sản
- Chế biến sản phẩm thủy sản
- Kinh doanh sản phẩm thủy sản
- Bộ phận kinh doanh khác

<i>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.288.073.000	6.441.648.968.594	7.023.023.159.784	111.544.573.399	-	13.577.504.774.777
Doanh thu giữa các bộ phận	1.941.357.643.538	8.304.351.839.799	901.923.747.319	259.151.447.147	(11.406.784.677.803)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.942.645.716.538	14.746.000.808.393	7.924.946.907.103	370.696.020.546	(11.406.784.677.803)	13.577.504.774.777
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(268.198.645.625)	864.349.774.591	173.489.666.481	29.168.911.728	(83.918.911.890)	714.890.795.285
Doanh thu hoạt động tài chính						106.122.896.778
Chi phí tài chính						(86.208.989.219)
Phần lãi trong công ty liên kết						31.339.986.034
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh						766.144.688.878
Thu nhập khác						12.628.710.985
Chi phí khác						(3.408.419.827)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						(118.772.731.792)
Lợi nhuận sau thuế						656.592.248.244



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	265.000.000	6.405.177.507.994	7.902.450.505.145	21.456.666.491	-	14.329.349.679.630
Doanh thu giữa các bộ phận	2.039.474.704.935	7.181.118.943.455	1.538.606.964.499	269.911.734.609	(11.029.112.347.498)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	2.039.739.704.935	13.586.296.451.449	9.441.057.469.644	291.368.401.100	(11.029.112.347.498)	14.329.349.679.630
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(70.423.653.987)	973.815.480.911	(287.073.967.701)	28.390.550.109	7.608.556.240	652.316.965.572
Doanh thu hoạt động tài chính						199.135.340.470
Chi phí tài chính						(121.703.039.171)
Phần lãi trong công ty liên kết						36.548.340.896
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh						766.297.607.767
Thu nhập khác						6.786.052.736
Chi phí khác						(10.660.207.796)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						(88.636.345.392)
Lợi nhuận sau thuế						673.787.107.315

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<i>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	1.098.362.612.196	12.486.862.511.552	4.233.085.784.258	753.539.166.549	(9.448.451.246.539)	9.123.398.828.016 435.773.231.840
Tổng tài sản						9.559.172.059.856
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	283.379.809.694	6.376.186.151.319	2.734.052.670.593	79.384.372.273	(5.520.173.547.323)	3.952.829.456.556 114.215.964.020
Tổng nợ phải trả						4.067.045.420.576
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021						
Chi tiêu vốn Khấu hao	201.566.168.007 68.879.078.087	274.683.389.574 107.887.393.459	- 7.013.694.905	50.811.113.044 5.652.343.563	(21.576.126.704) -	505.484.543.921 189.432.510.014

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<i>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	1.088.905.092.883	4.700.946.517.140	1.923.995.987.079	567.717.550.316	(1.339.447.574.200)	6.942.117.573.218 1.993.453.912.419
Tổng tài sản						8.935.571.485.637
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	239.178.416.237	186.769.389.239	966.964.716.759	37.131.697.162	(1.127.259.915.963)	302.784.303.434 3.310.701.739.716
Tổng nợ phải trả						3.613.486.043.150
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020						
Chi tiêu vốn	411.589.620.149	53.615.946.285	1.567.490.740	22.749.981.239	(21.733.159.159)	467.789.879.254
Khấu hao	30.073.672.161	132.569.073.046	9.199.183.535	5.044.203.452	-	176.886.132.194

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

(i) Doanh thu bộ phận

	Doanh thu	
	2021 VND	2020 VND
Việt Nam	207.719.984.559	166.230.129.852
Bắc Mỹ	5.089.435.667.808	5.744.803.695.457
Châu Âu	2.437.918.630.448	2.073.196.223.754
Nhật Bản	3.021.185.351.214	3.437.048.688.369
Hàn Quốc	696.510.249.385	621.958.134.234
Các vùng địa lý khác	2.124.734.891.363	2.286.112.807.964
	13.577.504.774.777	14.329.349.679.630

(ii) Tài sản bộ phận

	Tổng tài sản	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Việt Nam	9.000.999.396.152	8.442.533.083.381
Bắc Mỹ	548.626.194.612	479.431.929.182
Nhật Bản	9.546.469.092	13.606.473.074
	9.559.172.059.856	8.935.571.485.637

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	4.711.424.461	16.503.221.923
Tiền gửi ngân hàng	443.410.296.405	270.032.084.081
Tiền đang chuyển	-	4.000.000
Các khoản tương đương tiền	40.100.000.000	833.345.900.000
	488.221.720.866	1.119.885.206.004

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi tiền.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/IN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2021				1/1/2021			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu:								
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam	18	180.000	433.800	-	18	180.000	252.000	-
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng Số 8	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	19	80.000	1.312.900	-	19	80.000	930.050	-
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Mới Kim Tụ Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	272.941.176	-	18.823	272.941.176	188.230.000	-
▪ Công ty Cổ phần Phần lán Nung chảy Van Đien	163.646	3.270.588.235	1.832.835.218	(1.437.753.017)	163.646	3.270.588.235	1.669.189.200	(1.437.753.017)
		8.806.789.411	3.227.523.094	(5.580.753.017)		8.806.789.411	2.978.601.250	(5.580.753.017)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	307.311.539.280	1.131.774.954.300
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
Trái phiếu		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (ii)	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (iii)	15.000.000.000	10.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long (iv)	22.000.000.000	-
	42.000.000.000	15.000.000.000

- (i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 0,5% đến 7,3% (2020: từ 3,9% đến 7,5%).
- (ii) Số dư này bao gồm trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam phát hành ngày 31 tháng 10 năm 2018. Trái phiếu này đến hạn hoàn trả vào ngày 31 tháng 10 năm 2024 và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,25% đến 7,54% (2020: 7,5%).
- (iii) Số dư này bao gồm các trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành lần lượt ngày 14 tháng 11 năm 2017 và ngày 31 tháng 7 năm 2020. Các trái phiếu này đến hạn hoàn trả lần lượt vào ngày 14 tháng 11 năm 2027 và ngày 30 tháng 7 năm 2030 và hưởng lãi suất năm dao động từ 7,00% đến 8,03% (2020: từ 7,7% đến 7,8%).
- (iv) Số dư này bao gồm trái phiếu không chuyển đổi do Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long phát hành ngày 27 tháng 8 năm 2020. Vào ngày 18 tháng 2 năm 2021, Tập đoàn đã mua trái phiếu này từ cho Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB. Trái phiếu này đến hạn hoàn trả vào ngày 17 tháng 8 năm 2023 và hưởng lãi suất năm là 7,86% (2020: Không).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với giá trị ghi sổ là 103.700 triệu VND (1/1/2021: 286.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

42-00,
 HÁN
 TỶ TÍN
 MG,
 HỒ CH

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Dầu tư góp vốn vào:

Công ty liên kết

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong (“Aquamekong”)
- Công ty Cổ phần Mekong Logistics (“Mekong Logistics”)

Công ty khác

- Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau

	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích kinh tế	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	8.114.239.884	(*)
	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	49,00%	49,00%	215.204.298.185	(*)
				223.318.538.069	
	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,00%	10,00%	7.000.000.000	(*)



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích kinh tế	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND
Ngày 1 tháng 1 năm 2021					
Đầu tư góp vốn vào:					
Công ty liên kết					
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong (“Aquamekong”)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	7.747.508.243	(*)
▪ Công ty Cổ phần Mekong Logistics (“Mekong Logistics”)	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	49,00%	49,00%	184.231.043.792	(*)
				<u>191.978.552.035</u>	
Công ty khác					
▪ Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,00%	10,00%	7.000.000.000	(*)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số của chúng.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	191.978.552.035	171.010.694.509
Cổ tức được nhận từ công ty liên kết	-	(15.580.483.370)
Lãi được chia từ các công ty liên kết	31.339.986.034	36.548.340.896
Số dư cuối năm	223.318.538.069	191.978.552.035

Thông tin tài chính được trích từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết tại ngày lập báo cáo như sau.

Tại ngày và cho năm				
kết thúc ngày	Tổng tài sản	Tổng nợ phải trả	Tổng vốn	Lợi nhuận
31 tháng 12 năm 2021	VND	VND	chủ sở hữu	thuần sau thuế
			VND	VND
Aquamekong	20.756.289.948	5.362.601.848	15.393.688.100	748.431.920
Mekong Logistics	442.828.639.661	10.241.984.547	432.586.655.114	63.210.723.252

Tại ngày và cho năm				
kết thúc ngày	Tổng tài sản	Tổng nợ phải trả	Tổng vốn	Lợi nhuận
31 tháng 12 năm 2020	VND	VND	chủ sở hữu	thuần sau thuế
			VND	VND
Aquamekong	20.985.572.702	6.340.316.522	14.645.256.180	1.961.450.037
Mekong Logistics	469.622.701.621	96.595.404.924	373.027.296.697	73.027.296.697



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
▪ Censea Inc.	238.250.773.924	58.228.521.120
▪ H.T. Foods Pvt Ltd.	108.107.694.665	123.950.346.193
▪ Kailis Bros PTY Ltd.	107.725.251.713	64.389.053.909
▪ Aqua Star	104.868.560.012	51.292.682.595
▪ Pacific Seafood Central	7.305.846.200	18.240.637.800
▪ Các khách hàng khác	906.289.849.503	1.103.518.640.340
	1.472.547.976.017	1.419.619.881.957

Khoản phải thu của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm 840.984 triệu VND (1/1/2021: 1.683.852 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng và cô tức phải thu	10.943.784.107	28.112.677.537
Các khoản tạm ứng cho nhân viên (*)	44.167.497.304	39.775.899.480
Tạm ứng cho nông dân (Thuyết minh 8(b))	-	7.306.508.578
Chi hộ khách hàng	3.677.787.757	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải thu người lao động	4.228.763.930	3.147.055.623
Ký quỹ ngắn hạn thuê văn phòng	521.295.021	521.295.021
Ký quỹ ngắn hạn khác	8.700.000.000	5.625.000.000
Cho người lao động vay	3.900.000.000	4.500.000.000
Phải thu khác	20.804.185.438	13.724.308.975
	96.943.313.557	102.712.745.214

(*) Bao gồm trong các khoản tạm ứng cho nhân viên là 36,7 tỷ VND (1/1/2021: 27,7 tỷ VND) tạm ứng cho việc mua đất để phát triển vùng nuôi tôm.

100% CHỐT NH

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Bên liên quan khác		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng	521.295.021	521.295.021

Khoản phải thu khác từ Công ty Cổ phần Long Phụng phản ánh khoản đặt cọc cho mục đích thuê văn phòng.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tạm ứng cho một nông dân (*)	-	7.306.508.578
Khoản phải thu đến hạn trong 12 tháng (Thuyết minh 8(a))	-	(7.306.508.578)
Khoản phải thu đến hạn sau 12 tháng	-	-
Đặt cọc cho Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau, một bên liên quan (**)	2.058.898.500	2.058.898.500
	2.058.898.500	2.058.898.500

(*) Đây là khoản tạm ứng cho một nông dân để hỗ trợ việc nuôi tôm, được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân. Khoản tạm ứng này đã được thanh toán toàn bộ bằng hình thức cầm trả công nợ theo biên bản thỏa thuận ngày 15 tháng 1 năm 2021.

(**) Đây là khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau, một bên liên quan, cho mục đích thuê đất.

1204
 II NH
 JG T.
 KPI
 HỒ H

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2021		Số ngày quá hạn	1/1/2021	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn						
H.T. Foods Pvt Ltd.	Dưới 1 năm	23.714.046.133	16.599.832.293	-	-	-
Seoha Corporation	1 – 2 năm	3.736.137.910	1.868.068.955	-	-	-
Công ty TNHH Phát triển Kỹ thuật	1 – 2 năm	8.650.290.000	4.325.145.000	-	-	-
Công nghệ Xây dựng Sài Gòn	8 – 9 năm	982.302.147	-	982.302.147	-	982.302.147
Công ty TNHH Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy hải sản Việt Hải						
Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến Thủy sản Mỏ Ó	8 – 9 năm	771.913.390	-	771.913.390	-	771.913.390
Sóc Trăng	Dưới 1 năm	338.830.636	-	338.830.636	-	-
HML Foods Trading(s) Pte. Ltd.	8 – 9 năm	209.324.000	-	209.324.000	-	209.324.000
Công ty TNHH Thanh Bình	Dưới 2 năm	109.465.000	-	109.465.000	-	113.921.000
Các khách hàng khác						
		38.512.309.216	22.793.046.248	15.719.262.968	2.077.460.537	2.077.460.537

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

15.719.262.968

2.077.460.537

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.077.460.537	1.963.539.537
Trích lập dự phòng trong năm	13.646.258.431	113.921.000
Hoàn nhập trong năm	(4.456.000)	-
	15.719.262.968	2.077.460.537

10. Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	966.423.740	-	3.865.732.855	-
Nguyên vật liệu	173.840.778.219	(13.414.907.088)	147.922.067.187	-
Công cụ và dụng cụ	20.971.736.769	(77.880.657)	38.756.730.312	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	143.262.509.376	(27.190.430.201)	185.973.787.032	(6.266.475.890)
Thành phẩm	4.259.339.817.453	(95.816.870.970)	2.758.530.073.037	(99.236.183.861)
	4.598.381.265.557	(136.500.088.916)	3.135.048.390.423	(105.502.659.751)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	105.502.659.751	63.486.469.926
Tăng dự phòng trong năm	67.425.407.740	41.987.185.488
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(35.877.946.794)	-
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(550.031.781)	29.004.337
	136.500.088.916	105.502.659.751

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ 2.168.136 triệu VND (1/1/2021: 2.062.383 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 1.192.666 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 585.400 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 137.349 triệu VND (1/1/2021: 181.575 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có xác định thời hạn VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	19.177.086.700	112.072.759.525	31.276.276.330	162.526.122.555
Tăng trong năm	-	-	817.120.560	817.120.560
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	19.870.633.779	-	19.870.633.779
Chênh lệch qui đổi tiền tệ	(222.617.380)	-	(26.346.560)	(248.963.940)
Số dư cuối năm	18.954.469.320	131.943.393.304	32.067.050.330	182.964.912.954
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	11.821.719.771	14.012.583.920	25.834.303.691
Khấu hao trong năm	-	1.504.310.260	2.317.299.434	3.821.609.694
Số dư cuối năm	-	13.326.030.031	16.329.883.354	29.655.913.385
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	19.177.086.700	100.251.039.754	17.263.692.410	136.691.818.864
Số dư cuối năm	18.954.469.320	118.617.363.273	15.737.166.976	153.308.999.569

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 5.152 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 5.352 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 43.996 triệu VND (1/1/2021: là 45.169 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	497.585.536.429	320.141.753.639
Tăng trong năm	377.654.947.358	382.630.963.505
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(277.266.788.194)	(186.389.088.432)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(19.870.633.779)	(463.000.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(16.521.530.331)	(18.335.092.283)
Số dư cuối năm	561.581.531.483	497.585.536.429

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm bao gồm:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Đường ống nước biển cho hồ nuôi tôm	146.001.919.081	128.871.482.547
Nhà máy tâm bột	107.017.969.195	-
Quyền sử dụng đất	100.544.793.071	124.401.325.727
Hồ nuôi tôm	79.722.337.709	207.023.214.819
Nhà máy Khánh An	40.964.290.809	-
Hệ thống xử lý nước sông	24.031.818.182	-
Hệ thống xử lý nước thải	12.446.181.819	16.183.525.759
Các nhà máy khác	9.559.741.273	-
San lấp mặt bằng	5.545.074.436	14.700.090.389
Các công trình khác	35.747.405.908	6.405.897.188
Số dư cuối năm	561.581.531.483	497.585.536.429

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công cụ và dụng cụ	6.621.987.924	5.467.259.733

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	59.995.279.162	111.711.424.429	9.819.288.811	181.525.992.402
Tăng trong năm	10.873.704.942	94.081.765.025	3.868.370.968	108.823.840.935
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	13.386.757.711	3.134.772.620	-	16.521.530.331
Phân bổ trong năm	(1.773.235.574)	(88.431.548.475)	(7.662.955.348)	(97.867.739.397)
Số dư cuối năm	82.482.506.241	120.496.413.599	6.024.704.431	209.003.624.271



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn của các công ty con	4.019.626.797	332.508.647
Lãi chưa thực hiện do đánh giá lại tài sản góp cho công ty liên kết	7.009.700.229	7.108.009.752
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11.029.327.026	7.440.518.399
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư công ty mẹ vào các công ty con	(86.166.181.592)	(27.514.687.883)
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch của công ty mẹ bán cho công ty con	4.677.089.830	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	(2.882.396.742)	(3.744.105.727)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(84.371.488.504)	(31.258.793.610)

1120
 H I N
 N G
 K F
 P H C

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế

(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số phân loại lại/ (cán trừ) VND	Chênh lệch qui đổi tiền tệ VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.105.931.773	152.980.819.750	(15.044.186.702)	(134.894.508.657)	(190.584.550)	3.957.471.614
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.313.017.607	69.248.845.525	(90.840.190.972)	12.959.348.917	154.393.200	3.835.414.277
Thuế thu nhập cá nhân	1.610.071.441	27.588.674.788	(15.393.441.815)	(31.474.869)	-	13.773.829.545
Thuế khác	720.000	2.649.308.259	(2.659.624.827)	3.000.000	7.316.568	720.000
	15.029.740.821	252.467.648.322	(123.937.444.316)	(121.963.634.609)	(28.874.782)	21.567.435.436

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2021 VND	Số phát sinh VND	Số đã được hoàn lại VND	Số đã cán trừ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	29.004.558.928	291.503.932.490	(130.404.786.781)	(134.894.508.657)	(83.014.526)	55.126.181.454

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay ngắn hạn

	Biến động trong năm		31/12/2021 Giá trị ghi số/ Số có khả năng trả nợ VND
	1/1/2021 Giá trị ghi số/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	
Vay ngắn hạn	3.083.249.485.504	13.517.934.017.722 (13.360.184.479.830)	3.250.499.735.624
	<u>3.083.249.485.504</u>		<u>3.250.499.735.624</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
		2021	2020		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau					
▪ Khoản vay 1	USD	1,6%	1,6%	355.568.350.360	1.152.760.801.500
▪ Khoản vay 2	USD	1,6% - 1,8%	1,6% - 3,1%	1.507.839.166.240	1.075.697.630.203
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau					
▪ Khoản vay 1	USD	1,6% - 1,8%	1,6%	933.927.125.800	337.461.408.900
▪ Khoản vay 2	USD	1,6% - 1,8%	1,1% - 2,2%	451.791.049.264	280.215.883.401
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	1,6%	1,8%	1.374.043.960	237.113.761.500
				<u>3.250.499.735.624</u>	<u>3.083.249.485.504</u>



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

		Giá trị ghi sổ tại ngày	
		31/12/2021	1/1/2021
		Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi có kỳ hạn	Thuyết minh 6(b)	103.700	286.000
Phải thu của khách hàng	Thuyết minh 7	840.984	1.683.852
Hàng tồn kho	Thuyết minh 10	2.168.136	2.062.383
Tài sản cố định hữu hình	Thuyết minh 11	137.349	181.575
Tài sản cố định vô hình	Thuyết minh 12	43.996	45.169
		3.294.165	4.258.979

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	53.102.595.837	36.375.219.491
Phân bổ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	48.604.465.836	21.165.590.332
Tặng khác	1.583.000.000	792.446.536
Sử dụng quỹ trong năm	(36.044.350.071)	(5.230.660.522)
	67.245.711.602	53.102.595.837

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	2.000.000.000.000	2.360.944.843.299	(80.162.090.861)	134.847.500.911	141.869.690.929	346.136.917.045	118.370.626.135	5.022.007.487.458
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	668.413.054.352	5.374.052.963	673.787.107.315
Phát hành cổ phiếu quỹ	-	(38.144.591.371)	47.142.391.371	-	-	-	-	8.997.800.000
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	24.281.262.403	(24.182.507.863)	(98.754.540)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(21.165.590.332)	-	(21.165.590.332)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(299.984.325.000)	(896.581.093)	(300.880.906.093)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(58.989.898.280)	-	-	(58.989.898.280)
Chênh lệch qui đổi tiền tệ	-	-	-	(1.467.834.259)	-	-	(202.723.322)	(1.670.557.581)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	2.000.000.000.000	2.322.800.251.928	(33.019.699.490)	133.379.666.652	107.161.055.052	669.217.548.202	122.546.620.143	5.322.085.442.487
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	641.800.184.045	14.792.064.199	656.592.248.244
Phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	(26.027.049.831)	32.358.749.831	-	-	-	49.000.000	6.380.700.000
Mua lại cổ phiếu (**)	-	648.685.680	(967.285.680)	-	-	-	-	(318.600.000)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	51.529.902.680	(50.910.462.507)	(619.440.173)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(48.604.465.836)	-	(48.604.465.836)
Chia cổ tức (***)	-	-	-	-	-	(399.936.279.930)	(857.149.216)	(400.793.429.146)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(35.488.771.952)	-	-	(35.488.771.952)
Chênh lệch qui đổi tiền tệ	-	-	-	(7.026.377.330)	-	-	(700.107.187)	(7.726.484.517)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	2.000.000.000.000	2.297.421.887.777	(1.628.235.339)	126.353.289.322	123.202.185.780	811.566.523.974	135.210.987.766	5.492.126.639.280

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Ngày 24 tháng 11 năm 2021, Công ty đã báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu quỹ cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Theo đó, số lượng cổ phiếu quỹ phát hành lại thành công cho cán bộ công nhân viên là 633.170 cổ phiếu, với giá phát hành 10.000 VND/cổ phiếu.
- (**) Vào ngày 12 tháng 4 năm 2021, Công ty đã báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả về việc thu hồi cổ phiếu của cán bộ công nhân viên nghỉ việc trong thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy chế bán cổ phiếu với giá ưu đãi cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong các năm 2018, 2019 và 2020. Theo đó, tổng số lượng cổ phiếu đã thu hồi là 31.860.
- (***) Vào ngày 17 tháng 6 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 bằng tiền là 399.936.279.930 VND tương ứng với tỷ lệ chi trả là 2.000 VND/cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (2020: 299.328.915.000 VND).

Vào ngày 25 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý đã quyết định phân phối khoản lợi nhuận là 18.372 triệu VND (2020: Không).

Vào ngày 27 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát đã quyết định phân phối khoản lợi nhuận là 7.957 triệu VND (2020: Không).

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú đã quyết định phân phối khoản lợi nhuận là 36.670 triệu VND (2020: 92.366 triệu VND).

Vào ngày 15 tháng 4 năm 2021, Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Kho vận Ebisumo đã quyết định phân phối khoản lợi nhuận là 2.968 triệu VND (2020: Không).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	2.000.000.000.000	200.000.000	2.000.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(31.860)	(1.628.235.339)	(633.170)	(33.019.699.490)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	199.968.140	1.998.371.764.661	199.366.830	1.966.980.300.510

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.672.016.045	5.007.325.239
Trong vòng hai đến năm năm	33.035.878.037	22.539.775.637
Sau năm năm	27.315.758.330	9.385.896.466
	68.023.652.412	36.932.997.342

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	10.147.398	231.140.184.652	6.897.419	159.330.064.647
JPY	696.499.923	139.299.984.600	250.712.151	55.156.673.220
CND	1.338	23.049.006	1.373	23.658.502
EUR	404	10.544.139	404	11.715.710
		370.473.762.397		214.522.112.079

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	175.905.841.899	86.132.123.123
	175.905.841.899	86.132.123.123

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Hợp đồng mua bán ngoại tệ

Tại ngày lập báo cáo, theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Tập đoàn có các cam kết mua USD và JPY được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Cam kết hợp đồng mua USD kỳ hạn	-	662.054.500.000
Cam kết hợp đồng mua JPY kỳ hạn	-	296.329.000.000
		-
		958.383.500.000

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	13.583.260.667.303	14.344.433.350.728
▪ Phế liệu đã bán	24.618.062.418	29.877.611.726
▪ Khác	378.768.020	2.768.764.982
		-
	13.608.257.497.741	14.377.079.727.436
Các khoản giảm trừ		
▪ Chiếu khấu thương mại	406.485.194	862.325.665
▪ Giảm giá hàng bán	3.647.374.893	2.460.060.012
▪ Hàng bán bị trả lại	26.698.862.877	44.407.662.129
		-
	30.752.722.964	47.730.047.806
	13.577.504.774.777	14.329.349.679.630

Doanh thu thuần

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Giá vốn hàng bán

	2021	2020
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	11.902.366.842.460	12.758.939.746.119
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	31.547.460.946	41.987.185.488
Thuế chống bán phá giá được hoàn lại (Thuyết minh 37)	(297.298.581.742)	-
	<hr/>	<hr/>
	11.636.615.721.664	12.800.926.931.607

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021	2020
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	55.744.441.214	112.386.921.658
Cổ tức được chia từ chứng khoán kinh doanh	1.797.121.191	615.266.800
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	44.017.100.326	68.930.787.971
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	8.451.135.880
Chiết khấu thanh toán	4.564.234.047	8.751.228.161
	<hr/>	<hr/>
	106.122.896.778	199.135.340.470

27. Chi phí tài chính

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	53.087.429.982	88.602.655.651
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	24.444.131.668	32.269.487.303
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	8.647.607.529	-
Chi phí tài chính khác	29.820.040	830.896.217
	<hr/>	<hr/>
	86.208.989.219	121.703.039.171

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí bán hàng

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và dịch vụ mua ngoài	512.495.402.567	386.563.872.017
Chi phí thuê kho	175.032.350.745	147.787.293.803
Phí hoa hồng	142.559.621.821	69.784.080.232
Chi phí nhân viên	46.314.147.859	43.533.225.029
Chi phí công cụ và dụng cụ	2.735.681.164	2.581.690.760
Chi phí khấu hao	1.378.475.484	1.783.023.634
Chi phí nguyên vật liệu	2.129.811.640	1.621.224.269
Chi phí bán hàng khác	21.222.363.525	17.172.369.010
	903.867.854.805	670.826.778.754

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	147.027.530.883	128.863.608.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.767.615.400	23.927.097.290
Chi phí dụng cụ văn phòng	4.952.100.742	4.839.756.171
Chi phí khấu hao	10.400.680.126	9.339.082.033
Phí ngân hàng và lệ phí khác	5.807.187.609	7.187.506.157
Dự phòng phải thu khó đòi	13.641.802.431	113.921.000
Chi phí khác	60.533.485.832	31.008.032.430
	322.130.403.023	205.279.003.697



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Thu nhập khác

	2021	2020
	VND	VND
Lãi từ các khoản thanh toán trước thuế chống bán phá giá (Thuyết minh 37)	5.053.585.280	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	363.402.675	183.500.000
Tiền bồi thường nhận được	1.181.831.000	428.792.626
Thu nhập khác	5.923.885.996	6.173.760.110
	12.628.710.985	6.786.052.736

31. Chi phí khác

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	1.635.195.671	8.121.035.992
Các khoản phạt	15.000.000	1.318.687.757
Chi phí khác	1.758.224.156	1.220.484.047
	3.408.419.827	10.660.207.796

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	9.635.706.950.537	11.119.911.935.259
Chi phí nhân công và nhân viên	1.597.169.316.544	1.560.584.511.468
Chi phí khấu hao	187.797.314.343	168.765.096.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.205.364.009.458	797.848.852.485
Chi phí khác	245.440.315.387	270.279.741.998

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	67.047.845.893	61.903.032.133
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.200.999.632	8.265.243.312
	<hr/> 69.248.845.525	<hr/> 70.168.275.445
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	49.523.886.267	18.468.069.947
	<hr/> 118.772.731.792	<hr/> 88.636.345.392

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021	2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	775.364.980.036	762.423.452.707
	<hr/>	<hr/>
Thuế theo thuế suất của Công ty	77.536.498.004	76.242.345.271
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.667.278.885	1.803.777.682
Ưu đãi thuế	(4.435.626.353)	(26.545.064.132)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.775.031.906	1.253.295.178
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến lỗ tính thuế	57.047.421.608	23.932.430.677
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất áp dụng đối với các chênh lệch tạm thời	-	(16.207.977.627)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	(8.261.154.365)	14.649.637.826
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	8.599.698.792	11.356.410.112
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.200.999.632	8.265.243.312
Thu nhập không chịu thuế	(179.712.119)	(61.526.680)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(19.177.704.198)	(6.052.226.227)
	<hr/> 118.772.731.792	<hr/> 88.636.345.392

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	15.141.635.422	3.028.327.084	6.266.475.890	1.253.295.178
Lỗ tính thuế	488.772.216.605	88.689.689.434	365.664.245.706	68.015.296.896
	503.913.852.027	91.718.016.518	371.930.721.596	69.268.592.074

Lỗ tính thuế bao gồm lỗ tính thuế của các công ty con của Công ty. Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2022	Chưa quyết toán	37.708.703.082
2023	Chưa quyết toán	11.701.509.822
2024	Chưa quyết toán	37.827.293.027
2025	Chưa quyết toán	90.074.216.816
2026	Chưa quyết toán	296.542.811.426
2028	Chưa quyết toán	14.917.682.432
		488.772.216.605

Theo quy định hiện hành, chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ và lỗ tính thuế vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con của Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

	2021			
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Lỗ tính thuế VND	Giá trị tính thuế VND
Số dư đầu năm	6.266.475.890	1.253.295.178	365.664.245.706	68.015.296.896
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận phát sinh	8.875.159.532	1.775.031.906	-	-
Lỗ tính thuế phát sinh	-	-	296.542.811.426	57.047.421.608
Lỗ tính thuế đã sử dụng	-	-	(80.014.766.731)	(19.177.704.198)
Lỗ tính thuế mất hiệu lực	-	-	(93.420.073.796)	(17.195.324.872)
Số dư cuối năm	15.141.635.422	3.028.327.084	488.772.216.605	88.689.689.434

(e) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo các điều khoản của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế đối với các hoạt động chế biến và sản xuất thủy sản và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường đối với các hoạt động kinh doanh khác.

Các công ty con

Mseafood Corporation (“Mseafood”)

Theo các điều khoản của luật thuế Hoa Kỳ, Mseafood có nghĩa vụ nộp hai loại thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho tiểu bang: theo thuế suất 8,84% trên lợi nhuận chịu thuế. Trong trường hợp lỗ, Mseafood vẫn phải trả khoản tiền thuế tối thiểu là 800 Đô la Mỹ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho cục thuế liên bang: theo mức thuế cao hơn giữa lợi nhuận tính thuế nhân với thuế suất lũy tiến hoặc 21% của lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH Kho vận Ebisumo (“Ebisumo”)

Theo quy định của Nhật Bản, Ebisumo phải nộp 2 loại thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại mức thuế suất 15% cho 8 triệu JPY thu nhập chịu thuế đầu tiên và 23,4% cho khoản thu nhập chịu thuế vượt quá 8 triệu JPY.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại địa phương hoạt động: tại mức thuế suất 4,4% của thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công ty con ở Việt Nam

Các công ty con ở Việt Nam của Công ty được hưởng các mức thuế ưu đãi khác nhau trong đó một số công ty con được miễn giảm thuế.

34. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2021	2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	641.800.184.045	668.413.054.352
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	(32.090.009.202)	(21.165.590.332)
	609.710.174.843	647.247.464.020

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2021	2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	200.000.000	200.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ Công ty đang nắm giữ	(633.170)	(633.170)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(23.044)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành cho người lao động theo chương trình lựa chọn cho người lao động	65.919	211.024
	199.409.705	199.577.854

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2021	2020
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.058	3.243

100
C
CỔ
PH

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng suy giảm. Do vậy, yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này. Trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Mekong Logistics		
Mua dịch vụ	62.079.213.417	72.655.520.240
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng		
Chi phí thuê văn phòng	10.592.867.207	9.548.632.700
<i>Các cổ đông chính</i>		
MPM Investments Pte. Ltd.		
Chia cổ tức	139.955.514.660	105.064.449.165
Chu Thị Bình		
Chia cổ tức	69.937.883.964	52.472.358.800
Lê Văn Quang		
Chia cổ tức	63.996.752.430	47.982.425.075

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các nghiệp vụ với nhân sự chủ chốt

Tổng lương, thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt trong năm như sau:

	2021	2020
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Chu Thị Bình	150.000.000	150.000.000
Lê Văn Quang	150.000.000	150.000.000
Lê Văn Diệp	150.000.000	150.000.000
Bùi Anh Dũng	150.000.000	150.000.000
Phan Thanh Lộc	387.500.000	387.500.000
Hồ Thu Lê	387.500.000	387.500.000
Osada Tsutomu	138.461.538	387.500.000
Nguyễn Nhân Nghĩa	387.500.000	387.500.000
Nagoya Yutaka	387.500.000	193.750.000
Tsukahara Keiichi	208.653.847	150.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lê Văn Quang	2.617.728.445	2.915.293.235
Chu Thị Bình	1.743.248.513	2.200.128.212
Lê Văn Diệp	5.970.011.971	3.182.557.104
Bùi Anh Dũng	2.650.281.048	2.490.062.541
Chu Hồng Hà	1.180.165.519	845.500.318
Thái Hoàng Hùng	1.024.944.739	1.403.066.659
Lê Thị Dịu Minh	916.832.227	879.960.203
Suzuki Yoshiaki	1.403.773.000	2.089.979.089
Chu Văn An	256.451.756	2.147.569.804
Lê Ngọc Anh	1.581.916.373	1.305.898.591
Ban Kiểm soát		
Trần Văn Khánh	369.506.156	362.069.070
Nguyễn Thị Hồng Cúc	302.492.695	296.575.073
Đỗ Thị Hạnh	338.792.795	244.081.802

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2021	2020
	VND	VND
Nguyên giá của tài sản cố định đã mua nhưng chưa thanh toán trong năm	32.451.877.204	9.268.827.734

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

37. Các vụ kiện và khiếu nại

Vào ngày 14 tháng 1 năm 2020, Cục Hải quan và Biên phòng Hoa Kỳ (“CBP”) đã gửi “Thông báo bắt đầu điều tra và áp dụng biện pháp tạm thời” cho Mseafood Corporation (“Mseafood”), một công ty con của Công ty tại Hoa Kỳ, sau khi nhận được cáo buộc của Tổ chức “Ủy ban Thực thi Thương mại Tôm Hoa Kỳ” về việc Công ty và các công ty con đã nhập tôm thành phẩm đông lạnh từ Ấn Độ để xuất sang Hoa Kỳ thông qua Mseafood. Theo đó, CBP đã chính thức khởi xướng cuộc điều tra về cáo buộc trốn thuế chống bán phá giá và áp dụng các biện pháp tạm thời đối với Mseafood. Mục đích của cuộc điều tra là để xác minh nguồn gốc của tôm đông lạnh nhập khẩu bởi Mseafood vào Hoa Kỳ trong giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2019 đến ngày 31 tháng 1 năm 2020.

Vào ngày 13 tháng 10 năm 2020, CBP đã đưa ra kết luận cho rằng Mseafood không cung cấp được đầy đủ bằng chứng về việc quản lý, sử dụng nguyên liệu đầu vào để sản xuất hàng xuất khẩu theo yêu cầu cung cấp thông tin chi tiết của CBP, do đó Mseafood đã vi phạm lệnh thuế chống bán phá giá. Với kết luận này, sản phẩm tôm xuất khẩu bởi Công ty và các công ty con từ Việt Nam đến Hoa Kỳ sẽ phải chịu lệnh thuế chống bán phá giá như tôm Ấn Độ. Trước quyết định này, Mseafood đã tiến hành kháng cáo. Đồng thời Mseafood đã tạm nộp khoản thuế chống bán phá giá là 13.242.618 USD (tương đương 307.8 tỷ VND) trong năm 2020 và 1.348.195 USD (tương đương 28,4 tỷ VND) trong năm 2021 cho CPB và ghi nhận vào giá trị hàng tồn kho của các lô hàng tương ứng đã bán ra sau đó.

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2021, CBP đã gửi “Kết luận giải quyết khiếu nại” cho Mseafood về cáo buộc chống bán phá giá. Theo đó, CBP đã hủy bỏ kết luận ban hành vào ngày 13 tháng 10 năm 2020 nêu trên.

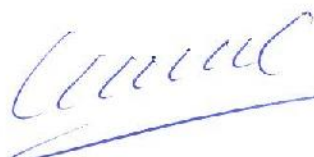
Trong tháng 7 năm 2021, Mseafood đã được hoàn lại số tiền thuế chống bán phá giá là 12.975.671 USD (tương đương 297.299 tỷ VND) và tiền lãi được hưởng trong quá trình tạm nộp là 225.192 USD (tương đương 5,2 tỷ VND).

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 20 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

